

**TOÀ ÁN N DÂN  
THỊ XÃ PHƯỚC LONG  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST

Ngày: 04/5/2022

*“V/v Tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản”*

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Tịnh

*Các Hội thẩm N dân:* Ông Phạm Huy Du

Ông Nguyễn Văn Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án N dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án N dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thanh T: Ông Phí Ngọc M, sinh năm: 1989 (Theo hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng Phạm Nhã công chứng số 000455 đề ngày 12/01/2022). Có mặt

**2. Bị đơn:** Anh Nguyễn Sĩ N, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Có mặt

Chị Hoàng Thị Phương Th, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Khu phố 3, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị Phương Th: ông Phạm Cao K, sinh năm: 1981 (Theo hợp đồng ủy quyền được Văn phòng công chứng Nguyễn Hợp công chứng 3189 đề ngày 01/3/2022). Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Do có mối quan hệ bạn bè và cũng là hàng xóm của nhau nên vào thời điểm những năm 2018, 2019 anh Nguyễn Thanh T có cho vợ chồng anh Nguyễn Sĩ N và chị Hoàng Thị Phương Th vay tiền nhiều lần, với tổng số tiền là 3.500.000.000 đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng). Trong đó 3.000.000.000đ là nguồn tiền anh T thế chấp quyền sử dụng đất

của gia đình vay của Ngân hàng đưa cho anh N chị T vay và 500.000.000đ anh N chị T vay của anh T nhiều lần mỗi lần vay khoảng vài chục triệu đồng. Mục đích vay nợ để vợ chồng anh N chị T kinh doanh dịch vụ cầm đồ và dịch vụ đáo hạn ngân hàng. Sau đó vợ chồng anh N, chị T đã trả được cho anh T số tiền 300.000.000 đ (Ba trăm triệu đồng). Vì là bạn bè thân thiết nên cho vay không viết giấy tờ vay nợ. Cho đến tháng 11 năm 2021, anh T mới viết giấy xác nhận nợ số tiền 3.000.000.000đ (ba tỷ đồng) nhưng trên thực tế anh N chị T còn nợ của anh T số tiền là 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Sau nhiều lần yêu cầu trả tiền bằng lời nói không được, anh T đã gửi thông báo đòi lại tiền vay đề ngày 10/12/2021 với nội dung “ ... yêu cầu anh N và chị T phải trả nợ cho anh T số nợ vay 3.200.000.000 đ trước ngày 10/01/2022” nhưng anh N, chị T vẫn không thực hiện.

Nay anh T yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Sĩ N và chị Hoàng Thị Phương Th phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc 3.200.000.000 đồng (ba tỷ hai trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

*\* Bị đơn anh Nguyễn Sĩ N trình bày:*

Anh N thừa nhận giữa anh và anh T là bạn học, vào thời điểm năm 2018, 2019 anh T có đưa cho anh 3.000.000.000đ để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng tại thành phố Hồ Chí Minh. Anh N cho rằng đây là số tiền làm ăn chung, lợi nhuận anh chia cho anh T. Ngoài ra anh còn vay nợ của anh T số tiền 200.000.000 đồng dùng vào mục đích khác nữa, không phải dùng và việc đáo hạn ngân hàng.

Giao dịch vay tiền giữa anh và anh T, vợ của anh là Hoàng Thị Phương Th không biết, không liên quan đến số nợ này, đây là nợ riêng của anh.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh T thì anh đồng ý một mình cá N anh có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Hiện hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn, số tiền dùng vào việc đáo hạn Ngân hàng đã bị người khác giật nợ không trả nên đề nghị trả dần cho anh T đến khi trả hết số nợ.

Tại phiên tòa anh N cho rằng số tiền 3.000.000.000đ của anh N đưa anh làm dịch vụ đáo hạn anh đã giao cho người thân của anh nên không có giấy tờ chứng minh.

*\* Ý kiến của chị Hoàng Thị Phương Th và người đại diện của bị đơn chị T trình bày:*

Chị T cho rằng chị là vợ của anh N nhưng không có liên quan đến số tiền nợ của anh T. Việc vay nợ của anh N chị không biết. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án mời chị lên làm việc, do chị không am hiểu pháp luật nên mới thừa nhận số tiền nợ và cùng đồng ý liên đới cùng anh N trả nợ. Do vậy, chị đã có đơn xin thay đổi nội dung thỏa thuận mà Tòa án đã lập biên bản ngày 18/02/2022 và không đồng ý cùng anh N thanh toán số nợ 3.200.000.000đ cho anh T. Chị khẳng định số nợ này cá N anh N nợ anh T thì anh N phải tự chịu trách nhiệm trả nợ.

*\* Ý kiến của Viện kiểm sát:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tuân thủ và chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh N và chị T có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho anh T số nợ gốc 3.200.000.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: anh T yêu cầu anh N và chị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 3.200.000.000 đồng nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và còn trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại Điều 429.

Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố 3, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân thị xã Phước Long.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T và bị đơn anh Nguyễn Sĩ N, chị Hoàng Thị Phương Th đều thừa nhận hiện tại anh N còn nợ anh T số tiền 3.200.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Giao dịch được xác lập giữa anh T và anh N là hợp đồng vay không có kỳ hạn và không có lãi quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[2.2]. Tài liệu, chứng cứ là “Giấy xác nhận mượn nợ” – BL 01 và lời khai của các đương sự tại Tòa án BL 15, BL 16, BL 38, BL 39, BL40, BL 41 được xem là chứng cứ để xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn anh N, chị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi nguyên đơn anh T đã đòi nợ nhiều lần bằng miệng và thông báo đòi nợ bằng văn bản đề ngày 10/12/2021. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần được chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc chị Th là vợ của anh N cùng có nghĩa vụ liên đới trả số nợ. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho phía bị đơn chị T đưa các tài liệu chứng cứ chứng minh về khoản nợ riêng của mình anh N nhưng chị T không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh. Hội đồng xét xử nhận thấy, khoản vay này phát sinh trong thời kỳ hôn N, anh N dùng số tiền này đáo hạn Ngân hàng và kinh doanh kiếm lời nhằm duy trì, phát triển kinh tế trong gia đình. Nên căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn N & Gia đình năm 2014, chị Th phải có nghĩa vụ liên đới cùng anh N trả nợ cho nguyên đơn anh T số tiền nợ gốc 3.200.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.4]. Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn chị T là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.5]. Tại phiên Tòa nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần lãi suất là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của Nguyên đơn anh T được chấp nhận, nên bị đơn chị T và anh N phải chịu án phí. Tuy nhiên, do anh N chị T hiện có khó khăn về kinh tế do dịch bệnh Covid - 19, làm ăn thua lỗ được Ủy ban N dân xã, phường nơi cư trú của anh chị xác nhận nên Hội đồng xét xử xem xét giảm 50% số tiền án phí cho anh N và chị T theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn N và gia đình 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T. Buộc bị đơn anh Nguyễn Sĩ N và chị Hoàng Thị Phương Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Thanh T số tiền nợ gốc 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T buộc bị đơn anh Nguyễn Sĩ N và chị Hoàng Thị Phương Th trả số tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Sĩ N và chị Hoàng Thị Phương Th có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 48.000.000 đ (Bốn mươi tám triệu đồng) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008122 ngày 25/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Phạm Thị Tịnh**

